

# Xây dựng xã hội carbon thấp ở Việt Nam với mục tiêu thích ứng biến đổi khí hậu

○ PGS.TS. NGUYỄN XUÂN KHIỂN

Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản

**C**arbon dioxide ( $CO_2$ ) là một trong 6 loại khí nhà kính quan trọng gây nên hiện tượng biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu. Theo thống kê, tính từ năm 1750 đến cuối thế kỷ 20, nồng độ  $CO_2$  đã tăng 30% (riêng từ năm 1880 đến năm 2000, nồng độ  $CO_2$  trong khí quyển đã tăng từ 280ppm lên 370ppm). Nguyên nhân của hiện tượng này chủ yếu là do việc thiếu đốt một khối lượng lớn chưa từng có các nhiên liệu hóa thạch, như: Than, dầu, khí đốt từ các hoạt động KT-XH, việc chặt phá rừng bừa bãi và một số hình thức canh tác nông nghiệp, đặc biệt là chăn nuôi và phát triển lúa nước. Đương nhiên, sự gia tăng quá mức nồng độ của các loại khí gây hiệu ứng nhà kính sẽ dẫn tới sự gia tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu. Thống kê cho thấy, nhiệt độ trung bình của Trái đất hiện nay đã tăng  $0,74^{\circ}C$  so với năm 1850 và dự báo có thể tăng đến  $1,4-6,4^{\circ}C$  vào năm 2100, cao nhất trong khoảng 10.000 năm qua.

Sự tăng không bình thường của nhiệt độ bề mặt Trái đất có thể dẫn đến những thay đổi trong hệ thống khí quyển toàn cầu, gây nên sự dịch chuyển các đới khí hậu và các điều kiện thời tiết trung bình, cũng như cực trị. Đồng thời, nhiệt độ Trái đất tăng sẽ khiến các khối băng Bắc Cực, Nam Cực các dòng sông băng tan chảy, dẫn tới mực nước biển dâng cao, dẫn tới các hệ lụy nghiêm trọng khác. Như vậy, để thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH), việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính, trong đó có  $CO_2$  là một trong những giải pháp không thể trì hoãn của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Với mục tiêu cố gắng ổn định nồng độ khí nhà kính trong khí

quyển nhằm thích ứng với BĐKH trên phạm vi toàn cầu, tháng 12/1997 Hội nghị các Bên lần thứ 3 Công ước khung của Liên Hợp Quốc về BĐKH (UNFCCC) tại Tokyo, Nhật Bản đã thông qua Nghị định thư Kyoto. Theo đó, cộng đồng quốc tế sẽ hỗ trợ các nước đang phát triển thực hiện phát triển bền vững và các nước phát triển thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính định lượng nhằm góp phần đạt được mục tiêu chung của UNFCCC trên cơ sở 3 cơ chế: (1) Cơ chế cùng thực hiện (JI); (2) Cơ chế phát triển sạch (CDM) và (3) Buôn bán phát thải quốc tế (IET). Chính vì vậy, việc xây dựng một xã hội carbon thấp ở mỗi quốc gia là những hoạt

động thiết thực cần sớm triển khai nhằm hướng tới mục tiêu của Nghị định thư Kyoto. Cụ thể hơn, tất cả các nước trên thế giới cần đoàn kết, nỗ lực xây dựng một xã hội carbon thấp bằng cách giảm khí  $CO_2$  phát thải bằng 50% lượng phát thải hiện tại vào năm 2050, để có thể thích ứng một cách có hiệu quả với hiện tượng BĐKH đã và đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng trên phạm vi toàn cầu.

Theo định nghĩa của FAO (2008), xã hội là một xã hội phát triển bền vững trên cơ sở phối hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển KT-XH và BVMT. Xã hội carbon thấp bao gồm 3 nguyên lý cơ bản: (1) Giảm tối đa lượng khí

CO<sub>2</sub> phát thải từ mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội; (2) Chuyển từ một xã hội tiêu dùng thuần túy sang một xã hội coi trọng các giá trị tinh thần, gắn bó với tự nhiên và (3) Bảo vệ, bảo tồn và tái tạo môi trường tự nhiên và các hệ sinh thái.

Rõ ràng, các nguyên lý cơ bản nêu trên của xã hội carbon thấp không những có thể đóng góp một phần cho các nỗ lực toàn cầu để ổn định hàm lượng khí CO<sub>2</sub> trong khí quyển, mà còn khá phù hợp với các tiêu chí của mô hình phát triển bền vững, đồng thời có thể vẫn bảo đảm nhu cầu phát triển của tất cả các thành phần trong xã hội.

Việt Nam là một trong những nước đang phát triển, tuy không bị bắt buộc phải cắt giảm định lượng nồng độ CO<sub>2</sub> từ các hoạt động phát triển KT-XH, song sự hình thành lộ trình xây dựng một xã hội carbon thấp ở nước ta có ý nghĩa quốc tế đặc biệt trong sự nghiệp toàn cầu nhằm thích ứng BĐKH, cũng như giảm nhẹ hậu quả do chúng gây ra.

Tuy nhiên, việc xây dựng một xã hội carbon thấp ở nước ta phải đối mặt với những thách thức muốn vượt qua cần phải có những nỗ lực của toàn xã hội và có tính đột phá trước thực trạng điều kiện và xu thế phát triển một nền kinh tế có lượng phát thải CO<sub>2</sub> khá cao, do: Hệ thống luật pháp, cũng như chính sách còn có nhiều bất cập trong mối liên quan thích ứng BĐKH, các bộ luật chưa thực sự hướng tới điều chỉnh các hành vi phát thải nhiều khí nhà kính; hầu hết sử dụng năng lượng không có khả năng tái tạo, phát thải cao, mặc dù nhiên liệu hóa thạch như than, dầu khí đang trở nên ngày càng cạn kiệt; có nền nông nghiệp

kém phát triển, tập quán canh tác ít được đổi mới với việc sử dụng quá nhiều hóa chất độc hại cho môi trường sinh thái; phương tiện giao thông còn lạc hậu, phương tiện cá nhân quá đông đúc, là một trong những nguồn phát thải các khí nhà kính đáng lo ngại; sở thích tiêu dùng của đại đa số người dân trong xã hội lại là sản phẩm từ các hoạt động công nghiệp, ý thức BVMT sinh thái của cộng đồng dân cư còn có nhiều hạn chế.

Từ thực tế đó, trước hết cần thiết phải hình thành một khung hành động hướng tới mục tiêu giảm tối đa lượng CO<sub>2</sub> phát thải vào không khí theo một lộ trình có tính khả thi cao. Bên cạnh việc xây dựng các bộ luật nhằm mục tiêu điều chỉnh các hành vi phát thải khí CO<sub>2</sub>, nội dung của khung hành động đó chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực vốn hiện tại phát thải nhiều CO<sub>2</sub> nhất. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, giảm phát thải từ các hoạt động sử dụng năng lượng, như: Từng bước giảm, tiến tới ngừng hoạt động sản xuất điện năng sử dụng than đá, dầu mỏ và khí thiên nhiên. Áp dụng CDM đối với các dự án, nhà máy thủy điện; đẩy mạnh tìm kiếm và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất điện năng, như biogas, điện gió, điện mặt trời, địa nhiệt... Sử dụng một cách hiệu quả cao và tiết kiệm điện trong các hộ dân cư; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm điện, nhiên liệu trong xây dựng, hoạt động công nghiệp. Sử dụng hiệu quả năng lượng trong hoạt động giao thông vận tải, phát triển các phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu và khuyến khích cộng đồng tăng cường sử dụng phương tiện giao thông công cộng, hạn chế các phương tiện cá nhân. Chuyển đổi loại năng lượng sử

dụng trong giao thông, sử dụng khí tự nhiên, dầu sinh học thay cho sử dụng xăng dầu, đồng thời có hình thức khuyến khích sử dụng phương tiện xe điện, xe sử dụng pin mặt trời.

*Thứ hai*, giảm phát thải từ các hoạt động nông nghiệp, như: Phát triển và ứng dụng nền nông nghiệp xanh, theo đó từng bước giảm lượng phân bón, hoá chất sử dụng trong nông nghiệp, phát triển và có hình thức khuyến khích sử dụng công nghệ tận thu các sản phẩm nông nghiệp và phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái. Không đốt trực tiếp các sản phẩm thừa sau nuôi trồng, chăn nuôi, đồng thời khuyến khích mô hình sử dụng bio-gas trong chăn nuôi.

*Thứ ba*, giảm phát thải từ các hoạt động lâm nghiệp, như: Nghiêm cấm các hoạt động đốt, chặt phá rừng dưới mọi hình thức, gắn liền với việc bảo vệ, bảo tồn các khu rừng nguyên sinh có giá trị đa dạng sinh học và sinh thái cao. Có cơ chế chính sách cụ thể đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư miền núi và quản lý rừng dựa vào cộng đồng địa phương. Triển khai mạnh mẽ các dự án trồng rừng ở những vùng đất trống, đồi núi trọc kết hợp với phát triển kinh tế rừng một cách bền vững. Hình thành cơ chế bồi hoàn rừng đối với các dự án sử dụng diện tích rừng, như hoạt động khai thác khoáng sản, xây dựng nhà máy thủy điện...

Như vậy, xây dựng một xã hội carbon thấp ở Việt Nam góp phần BVMT, thích ứng BĐKH toàn cầu, cải thiện môi trường sinh thái của Việt Nam, đồng thời hướng tới hình thành một xã hội coi trọng các giá trị tinh thần, thân thiện với môi trường thiên nhiên. ■